

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:05/2021/DS-ST

Ngày: 18/3/2021

*“Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Mai Trung Toàn

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Võ Thanh Bảo  
2. Bà Trần Thị Kia

*- Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Thị Dung – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A tham gia phiên tòa:* Ông Lê Minh Ngọc, Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 98/2020/TLST-DS ngày 11 tháng 11 năm 2020 “*V/v tranh chấp về hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2021/QĐXX-ST ngày 22/01/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L; sinh năm 1968 và ông Nguyễn Minh S, sinh năm 1967; địa chỉ: 07 N, phường TS, thị xã A, Gia Lai; Ông S ủy quyền tham gia cho bà L tham gia tố tụng theo Giấy ủy quyền số 3284 của Văn phòng Công chứng A chứng nhận ngày 12/12/2020. Bà L có mặt.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Tuyết Ng, sinh năm 1957; Địa chỉ: Tổ 02 (Trước đây là Tổ 03), phường AB, thị xã A, Gia Lai. Có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện và lời khai tại phiên tòa bà Nguyễn Thị L trình bày: Vì chỗ quen biết nhau nên vợ chồng bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Minh S có cho bà Nguyễn Thị Tuyết Ng, cư trú tại Tổ 02, phường AB, thị xã A, tỉnh Gia Lai vay tiền nhiều lần với tổng cộng 1.000.000.000đ để bà Ng làm ăn. Bà Ng đã viết “Giấy vay mượn tiền” vào ngày 29/12/2012 và hứa sẽ bán nhà, đất tại Tổ 02 (Trước đây là Tổ 03), phường AB, thị xã A, tỉnh Gia Lai để trả nợ nhưng không trả. Vợ chồng ông S bà L nhiều lần đòi tiền thì bà Ng hứa hẹn và viết nhiều giấy xác nhận mượn có vay số tiền 1.000.000.000đ và hẹn sẽ trả dần nhưng cũng không trả. Từ năm 2012 đến 2019 bà Ng viết nhiều giấy xác nhận và hứa hẹn nhưng không trả nên vợ chồng ông S và L khởi

kiện. Sau khi vợ chồng ông S và L khởi kiện bà Ng đã trả được 5.000.000đ vào ngày 28/02/2021. Bà Ng hẹn sẽ trả dần mỗi tháng 5.000.000đ cho đến khi hết nợ. Tại phiên tòa, bà L yêu cầu bà Ng phải trả số tiền nợ còn lại là 995.000.000đ (Chín trăm chín mươi lăm triệu đồng) cho vợ chồng bà L. Vì bà Ng khó khăn đau bệnh nên không yêu cầu khoản tiền lãi phát sinh.

- Tại phiên tòa bị đơn bà Nguyễn Thị Tuyết Ng trình bày: Bà Ng thừa nhận có quen biết và có vay của vợ chồng bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Minh S số tiền 1.000.000.000đ (Một tỉ đồng) từ năm 2012 để làm ăn. Các giấy mượn tiền từ năm 2012 đến năm 2019 mà nguyên đơn đã nộp cho Tòa án do bà Ng viết và ký xác nhận nên không ý kiến gì. Vì khi vay tiền bà Ng nghĩ sẽ được chia căn nhà, đất tại Tổ 02 (Trước đây là Tổ 03), phường AB, thị xã A, tỉnh Gia Lai cho vợ chồng bà nên bà Ng hứa sẽ bán trả nợ. Nhưng căn nhà, đất đó bị tranh chấp không chia cho bà Ng nên chưa trả tiền cho vợ chồng bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Minh S. Vì khó khăn về kinh tế nên bà Ng xin trả dần mỗi tháng 5.000.000đ (Năm triệu) cho đến khi hết số nợ trên. Ngày 28/02/2021 bà Ng đã trả cho ông S bà L số tiền 5.000.000đ, hiện nay bà Ng xác định còn nợ vợ chồng bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Minh S số tiền 995.000.000đ (Chín trăm chín mươi lăm triệu đồng) và sẽ trả dần cho đến khi hết số nợ trên.

\* Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa có ý kiến: Về thủ tục tố tụng Tòa án nhân dân thị xã A đã thụ lý và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền; Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A phát biểu tại phiên tòa xác định bị đơn bà Ng còn nợ nguyên đơn ông S bà L số tiền 995.000.000đ nên đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn, bà Ng phải có trách nhiệm trả cho vợ chồng bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Minh S số tiền còn nợ là 995.000.000đ (Chín trăm chín mươi lăm triệu đồng). Về án phí: Buộc bị đơn bà Ng phải án phí dân sự sơ thẩm là có căn cứ đúng pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; xem xét ý kiến trình bày của các đương sự, đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện bị đơn Nguyễn Thị Tuyết Ng có địa chỉ cư trú tại Tổ 02, phường AB, thị xã A, tỉnh Gia Lai, về tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Theo quy định tại Điều 26; điểm a, khoản 1 Điều 35; Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân thị xã A thụ lý giải quyết vụ án dân sự nói trên là đúng thẩm quyền.

[2]. Về số tiền bị đơn còn nợ. Trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Tuyết Ng đều thừa nhận các chứng cứ là các “Giấy mượn tiền” mà phía nguyên đơn đã nộp cho Tòa án do bà Ng viết và ký. Bà

Ng thừa nhận vay tiền của vợ chồng bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Minh S số tiền còn nợ là 1.000.000.000đ từ năm 2012 để làm ăn nhưng thua lỗ nên bà Ng chưa trả tiền cho vợ chồng bà L. Từ năm 2012 đến năm 2019 bà Ng đều viết giấy xác nhận nợ, gần nhất vào ngày 28/12/2019 bà Ng tiếp tục viết “Giấy vay mượn tiền” với số tiền 1.000.000.000đ của vợ chồng bà L. Sau khi nguyên đơn khởi kiện bà Ng đã trả được số tiền 5.000.000đ. Tại phiên tòa phía nguyên đơn cũng xác nhận và yêu cầu bị đơn phải trả số tiền còn lại là 995.000.000đ (Chín trăm chín mươi lăm triệu đồng). Xét thấy, tại phiên tòa nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận bị đơn đã trả cho nguyên đơn 5.000.000đ. Nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả số tiền còn lại là 995.000.000đ (Chín trăm chín mươi lăm triệu đồng), là có cơ sở nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3]. Về khoản lãi. Nguyên đơn không yêu cầu bị đơn trả lãi mà chỉ yêu cầu bị đơn phải trả số tiền gốc nên Hội đồng xét xử không xem xét khoản tiền lãi phát sinh là có cơ sở.

[4]. Về án phí: Mức án phí có trong vụ án là 5% của giá trị tranh chấp. Theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí thì bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền được Tòa án chấp nhận là 995.000.000đ nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 41.850.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

#### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Áp dụng Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39, Điều 147; khoản 1 Điều 235 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng vào các Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 469 của Bộ luật Dân sự;

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí.

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Tuyết Ng, phải trả số tiền 995.000.000đ (Chín trăm chín mươi lăm triệu đồng) cho nguyên đơn ông Nguyễn Minh S, bà Nguyễn Thị L.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án không chịu thi hành khoản tiền trên, thì hàng tháng còn phải trả khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất theo các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá mức lãi xuất quy định tại Khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự. Trường hợp không thỏa thuận được thì mức lãi xuất chậm trả được thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị Tuyết Ng phải nộp số tiền 41.850.000đ (Bốn mươi một triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho ông Nguyễn Minh S, bà Nguyễn Thị L số tiền 21.000.000đ (*Hai mươi một triệu đồng*) theo biên lai tạm ứng án phí số 0004566 ngày 11/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã A.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Gia Lai
- VKSND thị xã A;
- Chi cục THADS TX A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Mai Trung Toàn**